ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 49/KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Công tác xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện

Năm 2023, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định. Trong năm, tỉnh đã hoàn thành ban hành 13 văn bản[1] về cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; đến nay tỉnh Lạng Sơn đã đảm bảo hoàn thành 100% các văn bản về cơ chế, chính sách hướng dẫn quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện

Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành cụ thể hóa các chủ trương, định hướng, quy định của

[1] 04 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 06 Quyết định và 01 Kế hoạch của UBND tỉnh, 01 Chương trình của Ban Chỉ đạo, 01 Chỉ thị của UBND tỉnh.

Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc thành chương trình, kế hoạch cụ thể. Chỉ đạo thực hiện các chính sách dân tộc gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; các cấp, các ngành đã xây dựng, ban hành các quyết định, kế hoạch để triển khai thực hiện. Chỉ đạo, tăng cường công tác tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với các phong trào thi đua của Trung ương, tỉnh phát động...

Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình được thực hiện thường xuyên, đúng quy định. Năm 2023, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia đã ban hành các kế hoạch kiểm tra, chương trình công tác của tỉnh. Trong những tháng đầu năm 2023, Lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở, đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Chỉ đạo rà soát, tổ chức đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình. Trên cơ sở quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, 11/11 huyện, thành phố đã ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện; đồng thời hướng dẫn 181/181 xã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

Kết quả thực hiện mục tiêu: tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm khoảng 2,9% (chưa đạt mục tiêu đề ra là giảm 3%). Số xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn là 05 xã/năm, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Hiện nay Ủy ban Dân tộc chưa ban hành văn bản hướng dẫn rà soát thôn đặc biệt khó khăn, do đó chưa có cơ sở rà soát, đánh giá số liệu về số thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể: năm 2023 có 96,1% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 99,99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 81% trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 96% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình; trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99,9%, học trung học cơ sở đến trường đạt 99,9%; tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống đạt 44%; 100% cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được đào tạo.

2. Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, thực hiện Chương trình

Tổng vốn giao, được sử dụng trong năm 2023 là 1.532.191, triệu đồng, (vốn đầu tư phát triển 782.654 triệu đồng, vốn sự nghiệp 749.537 triệu đồng), trong đó:

- Vốn giao kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình là 1.188.600 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển là 570.354 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 543.193 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 27.161 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 618.246 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 588.800 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 29.446 triệu đồng).

- Vốn năm 2022 thực hiện kéo dài sang năm 2023 là 343.591 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư phát triển là 179.183 triệu đồng (ngân sách Trung ương 176.648 triệu đồng, ngân sách địa phương 2.535 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 164.408 triệu đồng (ngân sách Trung ương 162.367 triệu đồng, ngân sách địa phương 2.041 triệu đồng).

Kết quả thực hiện trong năm 2023 (tính đến ngày 31/01/2024) là 831.909 triệu đồng, đạt 54% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 589.830 triệu đồng, đạt 75,36% kế hoạch; vốn sự nghiệp 242.079 triệu đồng, đạt 32% kế hoạch), trong đó: vốn năm 2023 là 618.957 triệu đồng, đạt 52% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 430.192 triệu đồng, đạt 76% kế hoạch; vốn sự nghiệp 188.765 triệu đồng, đạt 31% kế hoạch); vốn năm 2022 chuyển sang là 212.952 triệu đồng, đạt 62% kế hoạch (vốn đầu tư phát triển 159.638 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch; vốn sự nghiệp 53.314 triệu đồng, đạt 33% kế hoạch).

PHẦN II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2024, tiếp tục tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả Chương trình, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong công tác tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

Tập trung, ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn, đảm bảo để các xã, thôn thoát nghèo bền vững; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác dân tộc. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng, củng cố thế trận lòng dân và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2024

Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm 3% so với năm 2023.

Phấn đấu 09 xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn (huyện Bắc Sơn 01 xã, huyện Bình Gia 01 xã, huyện Văn Quan 01 xã, huyện Chi Lăng 01 xã, huyện Hữu Lũng 01 xã, huyện Lộc Bình 01 xã, huyện Đình Lập 01 xã, huyện Văn Lãng 01 xã, huyện Tràng Định 01 xã); 15 thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn (huyện Bắc Sơn 02 thôn, huyện Chi Lăng 08 thôn, huyện Văn Lãng 02 thôn, huyện Tràng Định 03 thôn).

Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%.

Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác đạt từ 98,5% trở lên.

Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 97,2%, tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 82%.

Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn đạt 75,9%, 47% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Phát triển thêm 15 trường học đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu nâng tỷ lệ các lớp học được xây dựng kiên cố (trong đó mầm non đạt 81,5%, tiểu học đạt 75,6%, THCS đạt 94,1%, THPT đạt 98,5%); tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

100% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (11,4 bác sĩ và 33,6 giường bệnh nhân trên 01 vạn dân); 94,45% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng (theo chỉ số cân nặng đạt 15,2%, theo chỉ số chiều cao đạt 21,8%).

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số đạt 64%.

Giải quyết cơ bản công tác định canh định cư, ngăn chặn hiệu quả tình trạng suy thoái môi trường; rác thải sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình đạt 96% và nghe đài phát thanh đạt 100%.

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

3. Chỉ tiêu cụ thể

3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Thực hiện hỗ trợ đất ở cho 33 hộ, hỗ trợ nhà ở cho 407 hộ, hỗ trợ đất sản xuất cho 32 hộ, đầu tư 26 công trình nước sinh hoạt tập trung (20 công trình

chuyển tiếp, 06 công trình khởi công mới), hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 507 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 655 hộ.

(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).

3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Thực hiện hỗ trợ các dự án bố trí ổn định dân cư (đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung, hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, hỗ trợ cộng đồng bố trí dân xen ghép). Tiếp tục đầu tư 08 dự án (trong đó 02 dự án tại huyện Tràng Định, 02 dự án tại huyện Chi Lăng, 03 dự án tại huyện Bình Gia, 01 dự án tại huyện Lộc Bình).

(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo).

3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ 64.239,2 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình 82.519,4 ha; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có rừng trồng bổ sung 39.784,2 ha; hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ 3.175 ha; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ 140 ha; trợ cấp gạo cho các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo tham gia bảo vệ và phát triển rừng 36,9 tấn.

(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Nội dung số 01 (hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị): hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, các doanh nghiệp thuộc địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tạo việc làm nâng cao thu nhập; được hỗ trợ tập huấn kiến thức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp...

Nội dung số 03 (thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; tổ chức biểu dương những điển hình tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công; tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư; tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn

Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình trạm y tế xã; nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn; đầu tư cứng hóa mới 59,4 km đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa. Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn, cụ thể: 203 công trình giao thông (chuyển tiếp 106 công trình, khởi công mới 97 công trình); 51 công trình trường học (chuyển tiếp 29 công trình, khởi công mới 22 công trình); 35 công trình văn hóa (chuyển tiếp 11 công trình, khởi công mới 24 công trình); 02 công trình điện chuyển tiếp; 11 công trình y tế (chuyển tiếp 04 công trình, khởi công mới 07 công trình); 12 công trình thủy lợi (chuyển tiếp 02 công trình, khởi công mới 10 công trình). Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

b) Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện xây mới 01 công trình chợ Hữu Lân tại xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình; thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 04 công trình bao gồm chợ Lương Năng tại xã Lương Năng, chợ Tri Lễ tại xã Tri Lễ, huyện Văn Quan; chợ Hữu Kiên tại xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng; chợ Thiện Kỵ tại xã Thiện Tân, huyện Hữu Lũng.

(Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo).

3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Nâng cấp, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất 20 phòng công vụ giáo viên; 90 phòng ở cho học sinh; 30 phòng quản lý cho học sinh; 26 nhà ăn + nhà bếp; 23 nhà kho chứa lương thực; 34 công trình vệ sinh, nước sạch; 30 nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa; 37 phòng học thông thường và phòng học bộ môn; 43 công

trình phụ trợ khác; tiếp tục đầu tư xây dựng 03 Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT (Bắc Sơn, Đình Lập, Văn Quan); đầu tư xây dựng mới 03 Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT (Hữu Lũng, Lộc Bình, Văn Lãng); mở 40 lớp bồi dưỡng, tập huấn về nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú.

Tổ chức 50 lớp học xóa mù chữ; mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác xóa mù chữ cho 27 đơn vị; đẩy mạnh công tác truyền thông qua các hình thức đa dạng, phong phú; tổ chức hội thi tuyên truyền viên giỏi về công tác xóa mù chữ; cấp phát tài liệu hướng dẫn dạy học xóa mù chữ; cấp phát sách giáo khoa, văn phòng phẩm, hỗ trợ kinh phí tham gia học tập cho 1.208 người; mua sắm trang thiết bị cho trường dân tộc nội trú.

(Chi tiết tại Biểu 06 kèm theo).

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Nội dung số 01 (bồi dưỡng kiến thức dân tộc): thực hiện mở 05 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 400 cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 và đối tượng 4 hưởng lương từ ngân sách nhà nước; 01 lớp với 80 người thuộc nhóm đối tượng 4 không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc. Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 02 (đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi): đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học cho đối tượng là người dân tộc thiểu số nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Hỗ trợ đào tạo nghề cho 4.060 người dân tộc thiểu số (116 lớp), hỗ trợ trên 100 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo; tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Tổ chức trên 100 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng đồng tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan tổ chức chủ trì, liên quan tham gia để phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Thực hiện hỗ trợ đầu tư 04 dự án (02 dự án chuyển tiếp, 02 dự án khởi công mới) về Bảo tồn làng văn hoá truyền thống và tu bổ, tôn tạo di tích; hỗ trợ đầu tư xây dựng 17 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ 07 Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số; hỗ trợ hoạt động cho 122 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức 02 hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ trang thiết bị cho 28 nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức 01 cuộc khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và 04 lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ 01 chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; xây dựng 01 mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, xây dựng 12 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư; hỗ trợ 02 chương trình tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ xây dựng 08 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chống xuống cấp 03 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

(Chi tiết tại Biểu 07 kèm theo).

3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi: tiếp tục cải tạo, đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm Y tế huyện (Trung tâm Y tế huyện Bình Gia); đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về Trạm Y tế xã; đào tạo y học gia đình cho nhân viên Trạm Y tế xã; hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản; hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; ổn định và phát triển dân số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới; nâng cao năng lực quản lý dân số; phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số: chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ, trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số; chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Tiếp tục thành lập mới 30 "Tổ truyền thông cộng đồng" và duy trì hoạt động của 584 "Tổ truyền thông cộng đồng". Hỗ trợ 15 mô hình tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số. Duy trì 102 "Địa chỉ tin cậy" đã thành lập và củng cố, nâng cấp các "Địa chỉ tin cậy" trên cơ sở các địa chỉ tin cậy sẵn có trên địa bàn nhưng chưa hoạt động hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo và ra mắt mới 30 Câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi" đảm bảo đạt chỉ tiêu giai đoạn thành lập 101 Câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi" của trẻ em được thành lập, nâng cao năng lực và hỗ trợ tổ chức hoạt động. Hỗ trợ tổ chức diễn đàn trẻ em tại các xã đặc biệt khó khăn hằng năm.

Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực cho ít nhất 55 cán bộ nữ dân tộc thiểu số cấp huyện, xã (gồm cán bộ nữ trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng cử lần đầu). Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, công tác giám sát và đánh giá về bình đẳng giới, kỹ năng lồng ghép giới cho trên 11.700 lượt người là cán bộ xã, thôn, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo. Tổ chức 02 đợt đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản tại các địa bàn đặc biệt khó khăn với trên 191 cuộc.

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1: Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn thông qua hình thức vay vốn tín dụng hoặc hỗ trợ trực tiếp bằng vật nuôi, cây trồng (tạm thời dừng triển khai

thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Dân tộc tại Công văn số 1017/UBDT-DTTS ngày 21/6/2023 về việc thực hiện Tiểu Dự án 1 Dự án 9).

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng dân tộc thiểu số. Duy trì các mô hình điểm, triển khai nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổ chức 03 hội nghị tại tỉnh, 22 hội nghị tại huyện, 100 hội nghị tại cơ sở. Biên soạn, cung cấp tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về Luật Hôn nhân và gia đình. Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện truyền thông và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng dân tộc thiểu số. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia thực hiện Đề án.

3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

3.10.1 Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

a) Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

Tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, vận động, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến. Tổ chức hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh và nhân rộng các mô hình điển hình tiên

tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (cấp tỉnh 03 hội nghị tập huấn, cấp huyện mỗi đơn vị 02 hội nghị tập huấn và tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh).

b) Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số

Tổ chức hội nghị tập huấn, lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù, tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình, cụ thể:

- Tổ chức hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật; nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho 100% cán bộ, công chức tại các xã thộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho trên 50% đối tượng: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; cán bộ, hội viên các chi hội, đoàn thể ở cơ sở; hòa giải viên ở cơ sở; người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền viên pháp luật tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền bằng hình thức đa dạng như: Media, Video clip 2D, Radio, Infographic, Emagazine, Audio spot... bằng tiếng việt, tiếng dân tộc thiểu số, ngôn ngữ nước ngoài phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại.

Nội dung số 03, tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: khảo sát, thực hiện các đợt hội nghị chuyên đề điểm cung cấp thông tin, kết nối cộng đồng về trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, cán bộ thuộc các cơ quan có liên quan, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng… tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số: biên soạn, in ấn, phát hành tờ gấp trợ giúp pháp lý, sách bỏ túi trợ giúp pháp lý, cẩm nang pháp luật trợ giúp pháp lý, sổ tay trợ giúp pháp lý và các ấn phẩm tài liệu trợ giúp pháp lý khác cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế -

xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Triển khai dự án đầu tư xây dựng mới phòng họp trực tuyến Ban Dân tộc; dự án hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự; hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện theo lĩnh vực chuyên môn ngành được giao phụ trách; tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình, kết hợp tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

II. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình năm 2024 là 1.051.598 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình (theo Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024) là 1.021.527 triệu đồng, cụ thể:

Nguồn vốn đầu tư phát triển là 666.212 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 634.471 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng 5% (ngân sách tỉnh 1.895 triệu đồng, ngân sách huyện 29.846 triệu đồng).

Nguồn vốn sự nghiệp là 355.315 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 338.388 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng 5% (ngân sách tỉnh 1.897 triệu đồng, ngân sách huyện 15.030 triệu đồng).

2. Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác là: 13.971 triệu đồng.

3. Vốn tín dụng, vốn huy động hợp pháp khác là: 16.100 triệu đồng.

4. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu là 20% tổng số lượng dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn (theo quy định tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 21/11/2022 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn).

(Chi tiết tại Biểu 08 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số

120/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV gắn với thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản liên quan khác của tỉnh về công tác dân tộc; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên cho các địa bàn còn hạn chế về cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, không để trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch khác.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

4. Cấp huyện, cấp xã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh với trọng tâm là các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái... Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, thực hiện đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu được phê duyệt, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc,

chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy vai trò hoạt động của Ban Dân tộc theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9. Chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai các chương trình cho vay các đối tượng chính sách, đặc biệt là các chính sách vay vốn cho hộ dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo… nhằm góp phần hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi vi phạm theo quy định.

11. Đối với các huyện có chỉ tiêu, tiêu chí xã, thôn dự kiến phấn đấu thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn cần tập trung huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, quyết liệt chỉ đạo, thường xuyên giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc

Là đầu mối thống nhất theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra.

Tiến hành sơ kết, đánh giá các việc thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu đề ra trong Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung các dự án đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Tổng hợp, báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất, thực hiện nhập hệ thống giám sát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia theo thời hạn yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách Trung ương và cân đối, bố trí nguồn vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh cho Chương trình đảm bảo theo

đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

Theo phân công tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 và Công văn số 1978/UBND-KT ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, trong đó cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thuận lợi trong kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; **hoàn thành trước ngày 15/3/2024 và gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp**.

Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra; đề xuất giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu các dự án, tiểu dự án do cơ quan, đơn vị phụ trách. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất theo quy định. Lồng ghép dự án phát triển của ngành, các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này để triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả.

5. Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn

Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đúng quy định cho các dự án khi có đầy đủ hồ sơ, điều kiện thanh toán theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư về thủ tục thực hiện giải ngân vốn theo quy định.

Định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp kết quả giải ngân vốn Chương trình, báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc.

6. Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đặc biệt là đối với vùng biên giới, vùng An toàn khu, vùng đặc biệt khó khăn; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về việc triển khai thực hiện kế hoạch; kịp thời tuyên truyền về những tấm gương điển hình người tốt, việc tốt, các mô hình phát triển kinh tế - xã hội tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số và những tấm gương điển hình về thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, huy động đoàn viên, hội viên, quần chúng Nhân dân và các nguồn lực xã hội tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Tổ chức thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội theo quy định.

8. UBND các huyện, thành phố

Khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, trong đó cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thuận lợi trong kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; **hoàn thành trước ngày 15/3/2024 và gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp**. Theo dõi, hướng dẫn và triển khai thực hiện các chính sách, đề án, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch này để triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

9. Chế độ thông tin báo cáo

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh thông qua Ban Dân tộc để theo dõi, quản lý và tổng hợp báo cáo. Giao Ban Dân tộc tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/12/2024.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Dân tộc (B/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TT Thông tin;
- Lưu: VT, KT(NTA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Thanh Sơn